

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 25-01-2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thom.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Thạch Tân Dân.

Ông Lê Thành Thanh Tiến.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Lê Thế H, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

***- Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Thế H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh H và chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C ngày 05/3/2007. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2019, anh chị không thể

hàn gắn tình cảm và sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh H yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Phương V, sinh ngày 23/7/2007 và cháu Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 23/4/2012. Cháu T đang sống chung anh H, riêng cháu V đã theo chị T đi làm ăn xa. Anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H tự nguyện cấp dưỡng cháu V mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh H không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh H có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Thế H.

+ Về con chung: Giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng. Ghi nhận việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.500.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lê Thế H yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Thế H có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về hôn nhân: Anh H và chị T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 05/3/2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa anh H và chị T xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ chị T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa chị với anh H.

Thấy rằng, giữa anh H và chị T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Phương V, sinh ngày 23/7/2007 và cháu Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 23/4/2012. Theo đơn ly hôn, anh H yêu cầu giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng. Tuy nhiên, do hiện tại chị T đi làm ăn xa và cháu T lại đang sống chung với anh H. Do đó, anh H thay đổi yêu cầu, anh H yêu cầu nuôi dưỡng cháu T, giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị T trong đó có nêu rõ yêu cầu về con chung của anh H, nhưng chị T không thể hiện ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung.

Do chị T vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với anh H về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu nên cần thiết giao cháu V cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh H và chị T có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn và án phí không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thế H, anh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Phương V, sinh ngày 23/7/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 23/4/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V định kỳ mỗi tháng. Mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008036 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên anh H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**